

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ- ST.

Ngày: 12/9/2018.

V/v “*Xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng, chia tài sản chung
và nợ chung giữa bà T với ông Ph*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Ông Nguyễn Huy Trân.

Thư ký phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc “ *Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: số 318 D, phường L, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Hồ Viết Ph, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: : khu phố 5, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Đỗ Minh Ngh, sinh năm 1955 (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: khu phố N, thị trấn T, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Ngh ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng (giấy ủy quyền ngày 12/9/2018, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 20/6/2017 và Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 23/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Hồ Viết Ph theo giấy chứng nhận kết hôn số: X, quyển 01/2001 tại UBND xã Ph, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tại khu phố 6 phường Đ, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà là do tính tình, quan điểm sống vợ chồng không còn hợp nhau, ông Ph không còn trách nhiệm đối với vợ con. Hiện nay ông Ph đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Hai người đã sống ly thân gần 04 năm nay, bà xác định giữa bà và ông Ph đã không còn tình cảm và cũng không muốn tiếp tục chung sống lại với nhau, vì vậy bà xin ly hôn ông Hồ Viết Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Hồ Thị Thu Ph, sinh ngày 20/4/2004. Bà T yêu cầu nhận nuôi con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao con cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng thì bà xin không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay đang gặp khó khăn do chưa có việc làm, thu nhập và chỗ ở, khi nào có điều kiện kinh tế bà sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của bà.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T cho rằng vợ chồng có căn nhà xây cấp 4 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 68, diện tích 140,5m², tọa lạc tại khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và một số tài sản khác đã định giá. Theo kết luận định giá tài sản ngày 14/8/2017 của Hội đồng định giá Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, trị giá căn nhà, đất và một số tài sản khác là 104.996.000đ (trong đó đất là 12.364.000đ, nhà và kiến trúc gắn liền căn nhà, tài sản khác là 92.632.000đ). Theo bà T giá trị tài sản là nhà đất của hai người có giá khoảng 300.000.000đ, bà đồng ý với giá kiến trúc xây dựng căn nhà và tài sản nhưng không đồng ý với giá đất vì bà cho rằng theo thị trường chuyển nhượng thực tế thì riêng thửa đất có giá hơn 200.000.000đ. Bà T cho rằng đây là tài sản chung của hai người nên yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị tài sản nói trên cho bà và ông Ph, bà xin nhận nhà và hoàn lại cho ông Ph 50% giá trị tài sản với giá là 300.000.000đ x 50% = 150.000.000đ. Trường hợp ông Ph cần ở lại căn nhà này thì phải hoàn lại cho bà 50% giá trị tài sản là 300.000.000đ x 50% = 150.000.000đ.

Về nợ chung: bà T cho rằng vợ chồng bà còn nợ của ba mẹ ruột bà là ông Ngh, bà L 02 chỉ vàng 99,99; nợ bà Lê Thị N số tiền là 18 triệu đồng, bà T yêu cầu chia đôi số nợ để trả cho những người nói trên.

Tại đơn kiện ngày 04/4/2017 và các bản tự khai đề ngày 04/4/2017, ngày 05/5/2017, ngày 31/5/ 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn

ông Hồ Viết Ph trình bày:

Về hôn nhân: ông Ph thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con chung như bà T trình bày là đúng. Năm 2013 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do cô T không còn quan tâm đến chồng con nữa, hai người đã sống ly thân gần 04 năm nay. Ông Ph xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Hồ Thị Thu Ph, sinh ngày 20/4/2004. Khi ly hôn ông Ph yêu cầu nhận nuôi con và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có căn nhà xây cấp 4 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 68, diện tích 140,5m², tọa lạc tại khu phố 6, phường Đ, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm và một số tài sản khác đã định giá. Ông đồng ý theo kết luận định giá, ông xin nhận nhà để ở nuôi con và hoàn lại 50% giá trị tài sản nói trên cho bà T là 104.996.000đ x 50% = 52.498.000đ. Về nợ chung: ông Ph xác định có nợ chung của bà L, ông Ngh là 02 chỉ vàng 99,99, ngoài ra còn nợ bà L (chị ông Ph): 02 chỉ vàng 99,99; nợ bà Ng (chị ông Ph): 02 chỉ vàng 99,99; nợ bà D (em ruột ông Ph): 23 triệu đồng; nợ ông M (anh ruột ông Ph): 12 triệu đồng; nợ bà M (mẹ ruột ông Ph): 15 triệu đồng; nợ ông L (anh rể ông Ph): 02 triệu đồng. Đối với khoản nợ của bà N thì ông Ph không đồng ý vì theo ông đây là khoản nợ riêng của bà T nên ông không có trách nhiệm thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Lê Thị N trình bày: năm 2014 bà N có cho vợ chồng ông Hồ Viết Ph và bà Đỗ Thị Thu T vay và chơi huê số tiền còn nợ là 18.000.000đ (trong đó ông Ph vay 03 triệu đồng tiền mặt, bà T vay 06 triệu đồng tiền mặt và nợ tiền huê 09 triệu đồng) để giải quyết công việc gia đình như mua sắm vàng và tiền cho ông Ph về quê đám cưới em ruột Ph khi vợ chồng còn chung sống hạnh phúc, sau đó đã nhiều lần bà đến đòi tiền nhưng vợ chồng ông Ph hứa hẹn nhưng chưa trả. Nay vợ chồng ông Ph bà T ly hôn nên bà yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà T phải trả lại khoản nợ này cho bà, bà chỉ yêu cầu số tiền gốc là 18. 000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

- Bà Phạm Thị Thu L và ông Đỗ Minh Ngh trình bày: chúng tôi là cha mẹ ruột của cô T, vào năm 2006 vợ chồng tôi có cho vợ chồng con gái và con rể là T-Ph mượn 05 chỉ vàng 99,99 để bán xây nhà ở, sau đó vợ chồng của T-Ph đã trả lại được cho tôi 03 chỉ vàng 99,99, hiện còn lại 02 chỉ vàng 99,99, vợ chồng tôi yêu cầu vợ chồng T - Ph phải trả lại cho vợ chồng tôi, chúng tôi không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

-Bà Đỗ Thị Thu T khởi kiện ông Hồ Viết Ph về xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Ông Hồ Viết Ph có hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

- Ngày 04/4/2017, ông Hồ Viết Ph có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung, theo Thông báo thụ lý vụ án số 246/TB-TLVA ngày 19/4/2017. Ngày 21/6/2017, bà Đỗ Thị Thu T có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, theo Thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án số 10/TB- TLVA ngày 21/6/2017. Ngày 03/8/2017, ông Ph có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/8/2017 về việc xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung, theo Thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án ngày 24/8/2017. Theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thay đổi địa vị tố tụng nên trong vụ án này xác định bà T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, ông Ph tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, bà N, bà L và ông Ngh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Viết Ph về xin ly hôn do ông Ph rút yêu cầu khởi kiện ngày 03/8/2017.

Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của bà T và ông Ph là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bà T cho rằng ông Ph không còn quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của vợ con, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà đi làm ăn xa thì ông Ph đưa người phụ nữ khác về nhà sinh sống như vợ chồng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân gần 04 năm nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay bà T xác định không còn tình cảm yêu thương ông Ph nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ph. Trong khi đó ông Ph cũng thừa nhận vợ chồng hiện có những mâu thuẫn trầm trọng như bà T trình bày, trước đây ông đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng ông cho rằng cần có thời gian để vợ chồng hàn gắn nên ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện. Nay ông Ph xác tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn nữa nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên: Hồ Thị Thu Ph, sinh ngày 20/4/2004. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của hai bên: Ông Ph yêu cầu nhận nuôi con và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với ông Ph, sau khi ly hôn ông Ph có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định nên có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng con, trong

khi đó con chung (cháu Ph 14 tuổi) có nguyện vọng được ở với bố để được tiếp tục đi học thuận lợi hơn nên phải tôn trọng ý kiến của con.

Bà T cũng có yêu cầu nhận nuôi con nhưng không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Đối với bà T sau khi ly hôn chưa ổn định chỗ ở mới, chưa có việc làm, chưa có thu nhập ổn định và đang đi làm ăn xa, có khó khăn về kinh tế, bà xin không cấp dưỡng nuôi con lúc này, khi có điều kiện bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của bà. Như vậy, bà T chưa đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông Ph có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định, ông Ph còn được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi thấy bà Tuyết có khả năng cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng nên giao con cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đỗ Thị Thu T về chia tài sản chung, HĐXX thấy rằng: nguồn gốc thửa đất và căn nhà gắn liền với thửa đất thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 68, diện tích 140,5m², tọa lạc tại khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và các tài sản đã định giá, đây là tài sản bà T và ông Ph đều xác định là tài sản chung của hai người. Quá trình giải quyết cả hai người đều có yêu cầu nhận tài sản. Xét thấy toàn bộ tài sản nhà đất trên là sở hữu chung hợp nhất của hai người, diện tích nhà đất hẹp bề ngang (6,49m) không thể phân chia bằng hiện vật được nên chỉ có thể giao nhà đất cho một bên, hoàn lại một phần tiền cho bên kia. Tại biên bản định giá ngày 14/8/2017, Hội đồng định giá căn cứ quyết định 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành bảng giá các loại đất thời kỳ 2015 – 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì giá đất là 88.000đ/m². Trị giá thửa đất là 88.000đ x 140,5m² = 12.364.000đ. Hội đồng định giá không xác định được giá đất theo giá thị trường hiện nay. Trị giá nhà, vật kiến trúc gắn liền căn nhà như cổng, tường rào, mái che... và tài sản khác gồm: 01 Giường gỗ (0,4 x 1,4 x 2,2)m; 01 Tivi hiệu Samsung SlimBNLe 40 inch; 01 Tủ ván ép (2,1 x 2,2 x 04)m; 01 Tủ lạnh hiệu Sanyo Simple SR-11CD là 92.632.000đ. Tổng giá trị nhà đất, tài sản khác là 104.996.000đ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu định giá lại, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Theo bà T thì giá nhà và đất theo giá thị trường hiện nay khoảng 300.000.000đ. Bà xin nhận nhà đất và đồng ý hoàn lại cho ông Ph 50% giá trị tài sản là 150.000.000đ. Tuy nhiên, ông Ph chỉ đồng ý theo kết quả định giá, ông Ph xin nhận nhà đất để ở và đồng ý hoàn lại 50% giá trị tài sản theo kết quả định giá là 104.996.000đ để hoàn lại cho bà T là 52.498.000đ. Ông Ph không đồng ý với giá bà T nêu ra là 300.000.000đ, cũng không đưa ra giá nào khác và đề nghị xác định giá nhà, đất theo kết quả định giá. Mặc dù đã giải thích nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến. HĐXX thấy rằng: Theo biên bản định giá thì tổng giá trị nhà đất và tài sản khác là 104.996.000đ (giá trị đất là 12.364.000đ, giá trị căn nhà và kiến trúc gắn liền căn nhà và tài sản khác là 92.632.000đ). Như vậy giá đất thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế vào năm 2004 (13.500.000đ),

trong khi đó thực tế mức độ chênh lệch giá chuyển nhượng đất cách đây 14 năm trên địa bàn Tp. Phan Rang – Tháp Chàm là có thật nên giải trình về giá đất của nguyên đơn là có căn cứ. Phía bị đơn không đưa ra giá thị trường nên HĐXX xét thấy cần lấy mức trung bình cộng theo giá của nguyên đơn và giá của Hội đồng định giá để đảm bảo quyền lợi của hai bên theo cách tính như sau:

$$300.000.000đ + 104.996.000đ = 404.996.000đ : 2 = 202.498.000đ.$$

HĐXX xác định giá nhà, đất và tài sản đã định giá là: 202.498.000đ. Lẽ ra, HĐXX giao nhà đất cho bà T vì bà đưa ra giá cao hơn và đồng ý hoàn lại phần tiền cao hơn theo hướng có lợi cho ông Ph. Tuy nhiên, ông Ph là người đang nuôi con nhỏ, có nhu cầu về chỗ ở, ngoài căn nhà này ông không còn chỗ ở nào khác, trong khi đó bà T đang sinh sống tại tỉnh Bình Định do đó nhu cầu về chỗ ở của ông Ph là cần thiết hơn nên HĐXX quyết định giao nhà đất và tài sản khác cho ông Ph được sở hữu sử dụng, ông Ph phải hoàn lại phần tiền cho bà T. HĐXX thấy rằng: Toàn bộ tài sản là nhà đất hai bên xác nhận đây là tài sản chung là có căn cứ. Vì vậy để đảm bảo hài hòa quyền lợi cho cả hai bên, HĐXX quyết định chia theo tỷ lệ 1:1, giao nhà đất cho ông Ph được quyền sở hữu sử dụng, ông Ph phải hoàn lại cho bà T 50% giá trị tài sản là: $202.498.000đ \times 50\% = 101.249.000đ$.

Chi phí định giá là 800.000đ, chi phí đo đạc là 915.546đ. Tổng cộng là 1.715.000đ (làm tròn số) mỗi người phải chịu 1/2. Bà T đã nộp đủ, ông Ph phải hoàn lại cho bà T 857.000đ (tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng, làm tròn số).

[4] Về nợ chung:

Xét yêu cầu của vợ chồng bà L ông Ngh về yêu cầu bà T và ông Ph phải trả khoản nợ là 02 chỉ vàng 99,99, không yêu cầu tính lãi. Bà T, ông Ph đều thừa nhận khoản nợ này là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý có trách nhiệm hoàn trả lại khoản nợ này cho vợ chồng bà L, ông Ngh. Tại biên bản xác minh giá vàng ngày 23/8/2018 của tiệm vàng Hiền Nhân tại Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, xác định 01 chỉ vàng 99,99 có giá là 3.390.000đ. Như vậy bà T, ông Ph mỗi người có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà L ông Ngh 01 chỉ vàng 99,99 theo giá 3.390.000đ.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị N về buộc bà T và ông Ph phải trả cho bà khoản tiền nợ là 18.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi. Bà T đồng ý theo cầu của bà N về khoản nợ này nhưng cho rằng đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông Ph phải có trách nhiệm chung với bà để trả khoản nợ này cho bà N. Trong khi đó ông Ph không thừa nhận khoản nợ này mà cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà T nên ông không có trách nhiệm trả nợ này. Bà N xuất trình chứng cứ là “Giấy trả nợ tiền” ghi ngày 14/6/2015 (BL 68-69) có nội dung ông Ph nhờ anh Kh cung trưởng cung đường Phước Nhơn trả tiền thay hàng tháng là 02 triệu đồng cho bà N, bà N cho rằng giấy này do chính tay ông Ph viết và ký tên. Ông Ph thừa nhận có viết, ký giấy này vì có mượn 03 triệu đồng tiền mặt của bà N và ông cho rằng đã trả xong. Tuy nhiên, ông Ph không có chứng cứ chứng minh đã trả lại 03 triệu đồng cho bà

N cũng như không lý giải được việc ghi “Giấy trả nợ tiền” là thừa nhận khoản nợ nào. Việc giải trình của ông Ph là không có cơ sở nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của ông Ph và bà T trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, yêu cầu của bà N về buộc ông Ph, bà T trả số nợ là 18.000.000đ là có căn cứ được HĐXX chấp nhận. Như vậy ông Ph, bà T mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ này là: $18.000.000đ \times \frac{1}{2} = 9.000.000đ$.

Đối với các khoản nợ ông Ph nêu ra là nợ bà L (chị ông Ph): 02 chỉ vàng 99,99; nợ bà Ng (chị ông Ph): 02 chỉ vàng 99,99; nợ bà D (em ruột ông Ph): 23 triệu đồng; nợ ông M (anh ruột ông Ph): 12 triệu đồng; nợ bà M (mẹ ruột ông Ph): 15 triệu đồng; nợ ông L (anh rể ông Ph): 02 triệu đồng. Đây là những người thân trong gia đình ông Ph nhưng không cung cấp đầy đủ họ tên, địa chỉ, quá trình giải quyết Tòa án đã giao giấy báo để ông Ph giao lại cho những người này đến làm việc cũng như ban hành Thông báo về việc cung thông tin của những người này nhưng các đương sự không cung cấp được thông tin do đó Tòa án chưa làm việc được với họ nên được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn (bà T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) không có giá ngạch.

Ông Hồ Viết Ph, bà Đỗ Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà được Tòa án chấp nhận, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Phạm Thị Thu L và ông Đỗ Minh Ngh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà L và ông Ngh được Tòa án chấp nhận, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Hồ Viết Ph, bà Đỗ Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của bà N, bà L và ông Ngh được Tòa án chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan luôn chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, chia nợ chung. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà T phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX giao nhà đất, tài sản đã định giá cho ông Ph được quyền sở hữu, ông Ph phải hoàn lại 50% giá trị tài sản cho bà T theo giá là 202.498.000đ. $\times 50\% = 101.249.000đ$. Về nợ chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu độc của bà Lê Thị N, bà Phạm Thị

Thu L và ông Đỗ Minh Ngh, buộc bà T và ông Ph có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ này cho những người nói trên theo tỷ lệ ngang nhau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu T đối với bị đơn là ông Hồ Viết Ph.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lê Thị N, bà Phạm Thị Thu L và ông Đỗ Minh Ngh đối với nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu T và bị đơn là ông Hồ Viết Ph.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Viết Ph về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Đỗ Thị Thu T và ông Hồ Viết Ph.

Về con chung: Giao cho ông Hồ Viết Ph có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Hồ Thị Thu Ph, sinh ngày 20/4/2004, bà Đỗ Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Giao cho ông Hồ Viết Ph được quyền sở hữu sử dụng căn nhà xây cấp 4 và vật kiến trúc gắn liền ngôi nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 68, diện tích 140,5m², tọa lạc tại khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, có tứ cận: phía bắc giáp thửa số 69; phía nam giáp thửa số 87; phía đông giáp thửa số 88; phía tây giáp đường đi; (kèm theo Trích sao bản đồ địa chính ngày 19/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận Chi nhánh Tp. Phan Rang -Tháp Chàm) và các tài sản gồm: 01 Giường gỗ (0,4 x 1,4 x 2,2)m; 01 Tivi hiệu Samsung SlimBNLe 40 inch; 01 Tủ ván ép (2,1 x 2,2 x 04)m; 01 Tủ lạnh hiệu Sanyo Simple SR-11CD.

Ông Ph phải hoàn lại cho bà T số tiền **101.249.000đ** (một trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: ông Ph phải hoàn lại cho bà T 857.000đ (tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Về nợ chung:

-Ông Ph phải trả cho bà L và ông Ngh 01 chỉ vàng 99,99 trị giá bằng tiền là 3.390.000đ (ba triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

- Bà T phải trả cho bà L và ông Ngh 01 chỉ vàng 99,99 trị giá bằng tiền là 3.390.000đ (ba triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

- Ông Ph phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).
- Bà T phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Về án phí:

-Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000đ theo biên lai thu tiền số: 0015274, ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Phạm Thị Thu L và ông Đỗ Minh Ngh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0015252, ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0014159, ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*bà Tuyết đã nộp đủ án phí ly hôn*).

- Bà T, ông Ph mỗi người phải chịu 5.062.000đ (năm triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng, làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm về phần chia tài sản (1).

- Bà T, ông Ph mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ của bà Phạm Thị Thu L và ông Đỗ Minh Ngh được Tòa án chấp nhận (2).

-Bà T, ông Ph mỗi người phải chịu 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ của bà Lê Thị N được Tòa án chấp nhận (3).

Tổng cộng số tiền bà T phải chịu án phí là $(1) + (2) + (3) = 5.812.000đ$ (năm triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0012967, ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà T còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền án phí là 2.062.000đ (hai triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Ông Ph được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0012784, ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

Tổng cộng số tiền ông Ph phải chịu án phí là $(1) + (2) + (3) = 5.812.000đ$ (năm triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0012784, ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Ph còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền án phí là 5.512.000đ (năm triệu năm trăm mười hai ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2018).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang- Tháp Chàm;
- CC THADS TP. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Hậu (GCNKH số: 34, quyền số: 01/2001);
- Lưu HS + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phước Trí